

KINH 1234. TẾ TỰ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội<sup>2</sup> rộng rãi. Vì đại hội nên đem cả nghìn con bò đực<sup>3</sup> cột vào trụ và những đồ vật cúng tế. Cho mời hết các ngoại đạo khác nhau, từ xa đến tụ tập đông đủ nơi đại hội của vua Ba-tư-nặc.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến các ngoại đạo, tất cả đều đến tập hợp.* Nghe rồi, sau khi khát thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, các Tỳ-kheo chúng con đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến các ngoại đạo khác đều tập hợp đến chỗ đại hội.*”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tháng tháng<sup>4</sup> mở đại hội,  
Cho đến số trăm nghìn<sup>5</sup>;  
Không bằng chánh tín Phật,  
Bằng một phần mười sáu.*

1. S. 3. 9. Yañña. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(61).
2. Đại hội 大會. Pāli: mahāyañño paccupatthito, tổ chức đại tế đàn, lễ hiến tế sanh vật cho thần linh.
3. Đặc ngưu 特牛. Pāli: pañca ca usabhasatāni, pañca ca vacchatarasatāni, pañca ca vacchatarisatāni, pañca ca ajasatāni, pañca ca urabhasatāni, năm trăm bò đực, năm trăm bê đực, năm trăm bê cái, năm trăm sơn dương, năm trăm con cừu.
4. C<sup>á</sup>c bản Tống-Nguyên-Minh: nhật nhật ———, ngày ngày. Ấn Thuận, Phật Quang đ<sup>o</sup>c là nguyệt nguyệt: 月 月: tháng tháng.
5. Bài kệ này không có trong S.ibid., nhưng, cf. Dh. 106: māse māse sahasena, yo yajetha satam samam, ekañca bhāvitattānam muhuttampi pūjaye, mỗi tháng với trăm nghìn, tế tự cho đến trăm năm, không bằng chỉ một lần cúng dường người tự mình tu tập.

*Cũng vậy, tén Pháp, Tăng,  
Từ tâm với chúng sanh;  
Phước của đại hội kia,  
Không bằng phần mười sáu.  
Nếu người ở thế gian,  
Ức năm<sup>6</sup> tạo nghiệp phước;  
Không bằng một phần bốn.  
Kính lễ vị trực tâm<sup>7</sup>.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

## M

- 
6. Bản Cao-ly & Ấn Thuận đọc là *úc niên* 億年; Phật Quang đọc là *cánh niên* 竟年, theo bản Thánh và dẫn Biệt dịch: *mãn túc nhất niên trung* 滿足一年中.
  7. Trực tâm 直心. Pāli: ujupaṭipanna, trực hành hay chất trực hành, chỉ Tăng, đệ tử Phật, thực hành Thánh đạo tám chi. Cf. Pháp uẩn 3, Đại 26, tr.463a. Cf. Dh. 108: yaṃ kiñci yiṭṭha va hutam va loke, samvaccharam yajetha puññapekkho; sabbampi tam na catubhāgameti abhivādanā ujjagatesu seyyo, trong đời này, vì mong cầu phước đức mà tế tự hay hiến tế cả trăm năm, tất cả không bằng một phần tư của sự kính lễ đối với vị Chất trực hành bậc nhất.